TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 13 -02-2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI.

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thọ
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Thào Seo Tỏa
+ Ông Nguyễn Quang Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Lê Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 92 /2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX- ST, ngày 02 tháng 01 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số:01/2025/QĐST- HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Th - sinh năm: 1987.
Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt
2.Bị đơn: Anh Cao Tiến C - sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn nhận ngày 27/11/2024 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Đặng Thị Th trình bày: Chị và anh Cao Tiến C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Nhưng đến ngày 20 tháng 2 năm 2006 anh chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc. Luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái. Nguyên nhân chính là do anh C không quan tâm gì đến gia đình vợ con và có những mối quan hệ khác bên ngoài. Chị đã khuyên nhủ, hàn gắn với chồng nhiều lần nhưng anh C vẫn không chịu thay đổi, từ những nguyên nhân đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi, chửi lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm

đến ai. Xét thấy, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Tiến C.

Tại biên bản tự khai ngày 05/12/2024 bị đơn anh Cao Tiến C trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị Thắm trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị Thắm là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con cái, mấy năm gần đây giữa anh và chị Th có xảy ra chút xích mích, nguyên nhân chính là do từ năm 2016 chị Th có đi học lớp y tế thôn bản về nhà thì lạnh nhạt với anh và hay so sánh với người khác, dẫn đến vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, tình cảm bị rạn nứt, hiện tại anh chị đã sống ly thân được 02 tháng, nay chị Th làm đơn xin ly hôn anh, xét thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, anh chị vẫn còn tình cảm với nhau, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, nên anh không nhất trí ly hôn.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị Th và anh C đều thừa nhận trong thời gian sống chung có 02 con chung là cháu Cao Tiến M, sinh ngày 09/11/2007 và cháu Cao Thành Tr, sinh ngày 05/3/2014. Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Khi ly hôn chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Tiến M. Anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Thành Tr, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cao Tiến C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả 02 cháu Cao Tiến M và cháu Cao Thành Tr, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Th và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôn nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xử:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Cao Tiến C.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị Đặng Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Tiến M, sinh ngày 09/11/2007. Giao cho anh Cao Tiến C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Thành Tr, sinh ngày 05/3/2014 , cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Chị Đặng Thị Th và anh Cao Tiến C đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Tiến C, giải quyết về nuôi con chung khi ly hôn. Anh C có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Tại phiên tòa hôm nay anh Cao Tiến C vẫn không có mặt, nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết. Đối với chị Đặng Thị Thắm có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th và anh Cao Tiến C về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2005, được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đến ngày 20 tháng 02 năm 2006 anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B. Trong quá trình sống chung anh chị sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong việc phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, trong cuộc sống anh chị chưa có sự cảm thông, chia sẻ cho nhau những khó khăn, anh C chưa thực sự quan tâm đến vợ con. Giữa hai anh chị đã xảy ra xính mích đánh, cãi chửi lẫn nhau. Từ những nguyên nhân đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, khi anh chị xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Th làm đơn xin ly hôn anh C. Anh C xét thấy mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vẫn còn, nên anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái, anh không nhất trí ly hôn. Qua hòa giải chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Còn anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị về đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Th và anh C rất khó dung hòa tình cảm vợ chồng, gia đình đã khuyên giải và Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ đầu tháng 9 năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Như vậy, đã đủ thấy rằng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị Th được ly hôn với anh C là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân của chị Đặng Thị Th và anh Cao Tiến C được chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Cả hai anh chị đều thừa nhận có 02 con chung là cháu Cao Tiến M, sinh ngày 09/11/2007 và cháu Cao Thành Tr, sinh ngày 05/3/2014. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng với anh chị.

Tại phiên hòa giải và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì chị Th có nguyện vọng xin được nuôi cháu M, còn anh C nuôi cháu Tr, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai cháu, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Th và anh C đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu Cao Tiến M thì cháu có nguyện vọng muốn được sống cùng với chị Th, còn cháu Cao Thành Tr có nguyện vọng muốn sống cùng với anh C. Chị Th và anh C đều làm nghề tự do, có mức thu nhập ngang nhau, cả hai anh chị đều có điều kiện để nuôi dạy con trưởng thành và đảm bảo cho sự phát triển của cháu M và cháu Tr và theo nguyện vọng của các cháu. Xét việc anh C có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu và không đề nghị chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung là không phù hợp với quy định của pháp luật. Xét nguyện vọng của chị Th xin được nuôi cháu M, còn anh C nuôi cháu Tr và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn phù hợp với quy định của Pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu M và cháu Tr, cũng như trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình cần giao cho chị Đặng Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Tiến M, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2007. Giao cho anh Cao Tiến C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Thành Tr, sinh ngày 05 tháng 03 năm 2014, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Đặng Thị Th và anh Cao Tiến C không đề nghị Toà án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị Th phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị Th và anh Cao Tiến C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1,3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Th.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th được ly hôn anh Cao Tiến C. Quan hệ hôn nhân của chị Đặng Thị Th và anh Cao Tiến C được chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về nuôi con khi ly hôn: Giao cho chị Đặng Thị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Tiến M, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2007. Giao cho anh Cao Tiến C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Cao Thành Tr, sinh ngày 05 tháng 03 năm 2014, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng),* theo biên lai số 0003881, ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Hà. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Thị Thọ